

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI ĐỒNG

Số: 04/TB - UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đại Đồng, ngày 14 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc công khai dự toán năm 2022

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2016;

Căn cứ luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ quyết định số 4268 /QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Văn Lâm về việc giao dự toán thu - chi NSNN năm 2022;

Căn cứ quyết định số 383/QĐ – UBND về việc giao dự toán và phân bổ chi tiết đến từng công trình đầu tư xây dựng cơ bản.

Căn cứ quyết định số 384/QĐ – UBND ngày 30/12/2021 về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2022;

UBND xã Thông báo quyết định số 06/QĐ – UBND ngày 07/01/2022 về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2022 đến Các cán bộ công chức, ban ngành, đoàn thể trong xã, truyền thanh xã, các ông Bí thư, trưởng thôn và toàn thể nhân dân .

(Quyết định 06/QĐ – UBND ngày 07/01/2022 đính kèm)

Truyền thanh xã, và các ông trưởng thôn thông báo trên hệ thống truyền thanh từ ngày 14/01/2022 đến hết ngày 15/02/2022 ngày 02 lần./.

Nơi nhận:

- BTV; BCH ĐU;
- Cán bộ công chức, trưởng các ban ngành đoàn thể;
- Bí thư, trưởng thôn;
- Trưởng đài truyền thanh xã;
- Lưu VP./.



CHỦ TỊCH

Trần Văn Lịch

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI ĐỒNG

Số: 06/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đại Đồng, ngày 07 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND Huyện Văn Lâm về việc giao dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của HĐND xã Đại Đồng về việc giao dự toán ngân sách xã năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ phận Kế toán – tài chính xã,
Xét đề nghị của cán bộ tài chính kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022 xã Đại Đồng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, tài chính xã, ban ngành liên quan căn cứ thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Thành



CÁN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	162.146.898.000	TỔNG SỐ CHI	162.146.898.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	1.247.947.000	I. Chi đầu tư phát triển	149.202.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	156.092.657.000	II. Chi thường xuyên	9.621.598.000
III. Thu bổ sung	4.806.294.000	III. Dự phòng	3.323.300.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.806.294.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



ĐỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 (năm hiện hành)		ĐỰ TOÁN NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
		162.146.898.000	161.296.961.000				
	Tổng số thu ngân sách xã	162.146.898.000	161.296.961.000				
	A/ Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	162.146.898.000	161.296.961.000				
	I/ Các khoản thu 100%	1.247.947.000	398.010.000				
	1. Phí, lệ phí	100.000.000	100.000.000				
	2. Thu từ quỹ đất công ích và đất công	297.947.000	298.010.000				
	- Thu hoa lợi công sản	130.117.000	130.117.000				
	- Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất	167.830.000	167.893.000				
	3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	4. Đóng góp của nhân dân theo qui định						
	5. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức						
	6. Thu kết dư ngân sách năm trước						
	7. Thu khác	850.000.000	850.000.000				
	8. Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước						
	II/ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	156.092.657.000	156.092.657.000				
	Thu từ đất ở nông thôn						
	9. Phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác						
	7. Phạt vi phạm khác						
	6. Tiền chậm nộp các khoản khác						
	1. Thu từ sản xuất KD phi nông nghiệp						
	5. Chậm nộp thuế GTGT từ hàng hóa sx KD						
	3. Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh quốc phòng						
	8. Cấp quyền sử dụng đất	152.305.000.00	152.305.000.00				
	4. Chậm nộp thuế TNCN						
	2. Thuế thu nhập cá nhân	656.000.000	656.000.000				
	10. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	340.000.000	340.000.000				



STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	11. Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	12. Lệ phí trước bạ nhà, đất	350.000.000	350.000.000				
	13. Thuế GTGT + Thuế TNDN	1.991.657.000	1.991.657.000				
	14. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	450.000.000	450.000.000				
	15. Thuế tài nguyên						
	16. Thu tiền đất						
	17. Phạt vi phạm giao thông						
	18. Thuế TN từ chuyển nhượng BĐS, nhận thừa kế cho tặng là						
	III/ Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	4.806.294.000	4.806.294.000				
	19. Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng						
	- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	4.806.294.000	4.806.294.000				
	IV/ Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
	- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên						
	B/ Thu ngân sách xã chưa qua Kho bạc						





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	162.146.898.000	149.202.000.000	12.944.898.000						
	Trong đó:									
	Tổng chi ngân sách xã	162.146.898.000	149.202.000.000	12.944.898.000						
	A/ Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	162.146.898.000	149.202.000.000	12.944.898.000						
	1. Chi đầu tư XD CB	149.202.000.000	149.202.000.000							
	2. Đầu tư phát triển khác									
	II/ Chi thường xuyên	9.621.598.000		9.621.598.000						
	- Chi dân quân tự vệ	260.000.000		260.000.000						
	- Chi an ninh trật tự	160.000.000		160.000.000						
	- Giáo dục mầm non	100.000.000		100.000.000						
	- Chi SN Giáo dục tiểu học	20.000.000		20.000.000						
	- Sự nghiệp THCS	20.000.000		20.000.000						
	3. Sự nghiệp y tế	350.000.000		350.000.000						
	- Sự nghiệp văn hoá	100.000.000		100.000.000						
	- Đài truyền thanh	180.000.000		180.000.000						
	5. Sự nghiệp thể dục thể thao	170.000.000		170.000.000						
	- Sự nghiệp giao thông	450.000.000		450.000.000						
	- Sự nghiệp nông - lâm - hải sản									
	- Các sự nghiệp khác									
	- Chi thú y	100.000.000		100.000.000						
	- Chi hoạt động thủy lợi	100.000.000		100.000.000						
	- Chi xã hội khác	90.000.000		90.000.000						
	- Hưu xã, thôi việc và trợ cấp khác	490.000.000		490.000.000						
	- Già trẻ cô đơn, thôi việc và trợ cấp khác									
	- Chi môi trường	50.000.000		50.000.000						



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Trong đó: Quỹ lương									
	8.1 Quản lý Nhà nước	3.856.598.000		3.856.598.000						
	8.2 Đảng	850.000.000		850.000.000						
	8.3 Mặt trận tổ quốc	280.000.000		280.000.000						
	8.4 Đoàn Thanh niên CSHCM	280.000.000		280.000.000						
	8.5 Hội phụ nữ Việt nam	240.000.000		240.000.000						
	8.6 Hội nông dân Việt Nam	230.000.000		230.000.000						
	8.7 Hội cựu chiến binh Việt nam	280.000.000		280.000.000						
	8.8 Hội đồng nhân dân	475.000.000		475.000.000						
	9. Chi các tổ chức xã hội khác	240.000.000		240.000.000						
	9.1 Hội chữ thập đỏ	120.000.000		120.000.000						
	9.2 Hội người cao tuổi	120.000.000		120.000.000						
	9.3 Hội khuyến học									
	10. Chi khác ngân sách	250.000.000		250.000.000						
	11. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau									
	Chi hỗ trợ	250.000.000		250.000.000						
	III/ Dự phòng	3.323.300.000		3.323.300.000						
	B/ Chi ngân sách xã chưa qua Kho bạc									
	Tạm ứng XD CB									
	Tạm chi									

